

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên lao dốc mạnh ngày hôm nay sau thông tin xuất hiện ca nhiễm Covid-19

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến tiêu cực do thông tin dịch bệnh Covid-19 đã lây lan ra 7 tỉnh thành

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VNM, MBB

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ 758-773

29/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	790.84	-2.77
VN30	735.16	-2.78
HĐTL VN30F1M	720.70	-2.83
HNXIndex	106.85	-1.05
HNX30	198.75	-1.04
UPCoM	54.17	-1.99
USD/VND	23,180	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.99	+8
Lãi suất qua đêm (%)	0.28	+18
Dầu (WTI, \$)	41.51	+1.15
Vàng (LME, \$)	1,958.85	+0.02

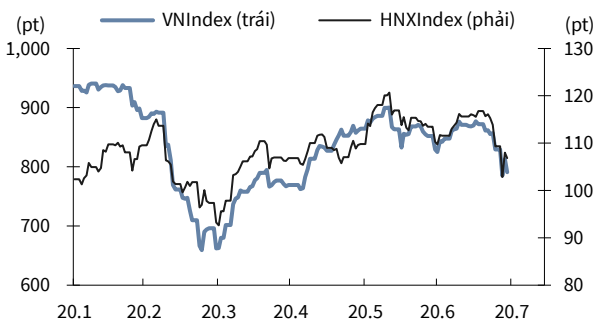


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>790.84 (-2.77%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>303.1 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>235.7 (+8.6%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>106.85 (-1.05%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>48.5 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>20.8 (+21.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>54.17 (-1.99%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>21.6 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>10.0 (+0.2%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+13.4</b>

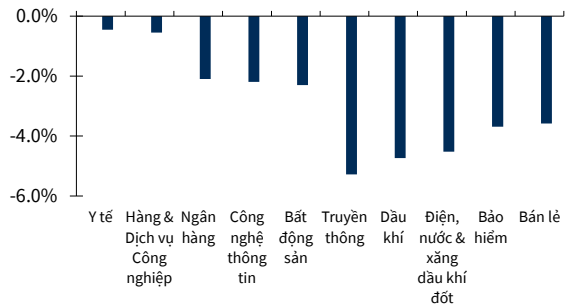
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên lao dốc mạnh ngày hôm nay sau thông tin xuất hiện ca nhiễm Covid-19 mới tại Hà Nội. Thị trường giảm điểm ngay thời điểm mở cửa đầu phiên sáng, chạm đáy vào đầu phiên chiều trước khi hồi phục nhẹ về cuối phiên trước thông điệp của Thủ tướng Chính phủ về việc sẽ chưa áp dụng cách ly toàn xã hội. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt điều chỉnh với rổ cổ phiếu Vn30 có 29 mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu chịu tác động mạnh bởi dịch Covid 19 đồng loạt điều chỉnh trên diện rộng với cổ phiếu ngân hàng ở CTG (-3.9%), BID (-2.4%); cổ phiếu hàng tiêu dùng ở PNJ (-4.6%), MWG (-3.9%); cổ phiếu hàng không ở HVN (-5.9%), VJC (-1.5%). Doanh nghiệp tôn, thép như HSG (-5.5%), NKG (-2.5%) điều chỉnh trước thông tin Chính phủ Malaysia đang nghiên cứu và có thể áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cán nguội được nhập khẩu từ Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng thứ 4 liên tiếp, tập trung ở KDC (0%), FUEVFVND (-4.4%), VCB (-1.3%).

**VNIndex & HNXIndex**



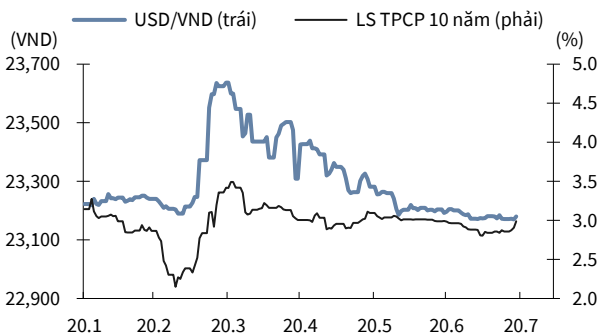
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



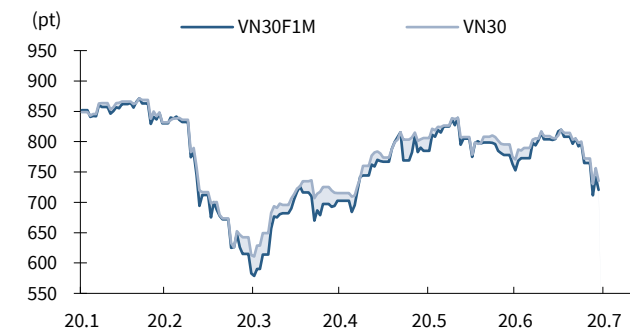
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>735.16 (-2.78%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>720.7 (-2.83%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>728.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>733.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>698.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>356,033 (+10.2%)</b>

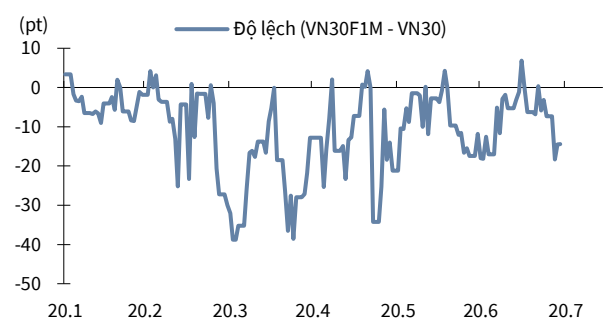
Các HĐTL diễn biến tiêu cực do thông tin dịch bệnh Covid-19 đã lây lan ra 7 tỉnh thành, gia tăng rủi ro giãn cách xã hội thứ 2. Chênh lệch F2008 và VN30 mở cửa ở mức -14.46 và ngay lập tức sụt giảm xuống mức thấp nhất trong ngày ở -33.67 khi Hà Nội xuất hiện ca nhiễm đầu tiên, trước khi phục hồi và dao động quanh -20 và -30 trong phiên sáng. Đầu phiên chiều, chênh lệch được thu hẹp đáng kể khi NĐT mở vị thế LONG bắt đáy, trong bối cảnh HĐTL chỉ số DOW future cũng tăng cao, và đóng cửa ở mức -14.46. NĐTNN mua ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản tăng cao đột biến khi NĐT giao dịch linh hoạt 2 chiều.

### HĐTL VN30F1M & VN30



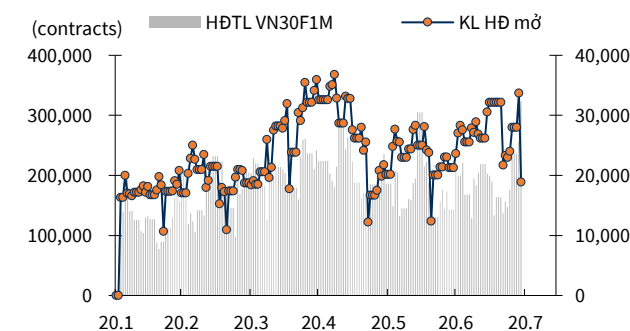
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



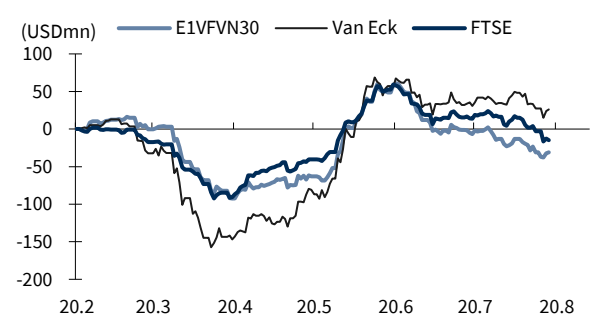
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

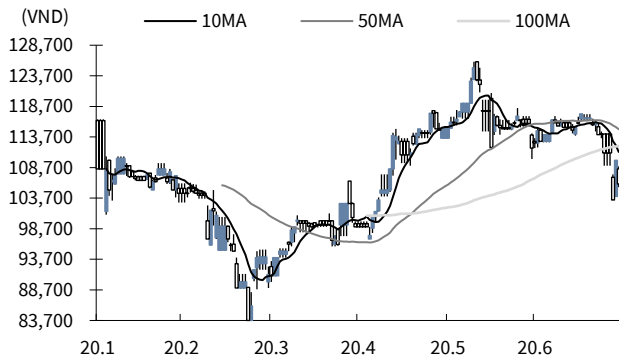
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

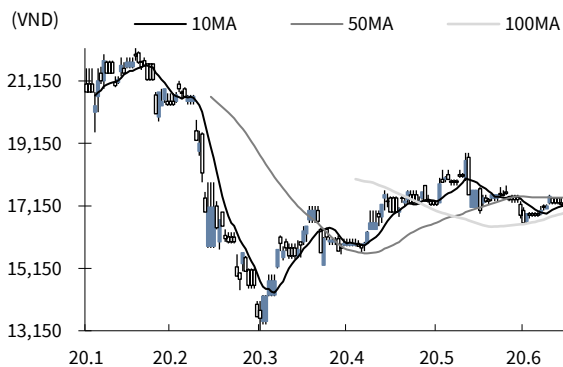
## Vinamilk (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm -3.5% xuống 106,000 VNĐ/cp
- VNM mới đây công bố KQKD Q2 với lợi nhuận sau thuế 3,085 tỷ (+6.2% YoY) và doanh thu 15,495 tỷ (+6.1% YoY). Trong đó, hoạt động kinh doanh nội địa mang về doanh thu 13,364 tỷ đồng (+7.6% YoY), nhờ hợp nhất kết quả kinh doanh của GTNFoods và Mộc Châu Milk. Hoạt động xuất khẩu sữa đặc qua Trung Quốc, xuất sữa hạt và trà sữa vào thị trường Hàn Quốc... đóng góp 1.370 tỷ (+7% YoY) vào doanh thu thuần quý II. Tháng 6, Vinamilk cũng là công ty sữa đầu tiên của Việt Nam được cấp phép xuất khẩu sữa vào các quốc gia thuộc Liên minh kinh tế Á Âu (EAEU).

## MBBank (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB giảm -4% xuống 15,650 VNĐ/cp
- MBB mới đây công bố KQKD Q2 với lợi nhuận sau thuế 2,390 tỷ (+19% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần của ngân hàng đạt 4,624 tỷ (+5.2% YoY). Nhiều mảng kinh doanh cũng có kết quả khả quan, trong đó lãi từ kinh doanh ngoại hối đạt 181 tỷ (+10.5% YoY); lãi từ mua bán chứng khoán đạt 217 tỷ (+167% YoY); lãi từ hoạt động khác đạt 538 tỷ đồng (+28% YoY). Lãi từ dịch vụ trong quý 2 đạt 945 tỷ (-10.4% YoY).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

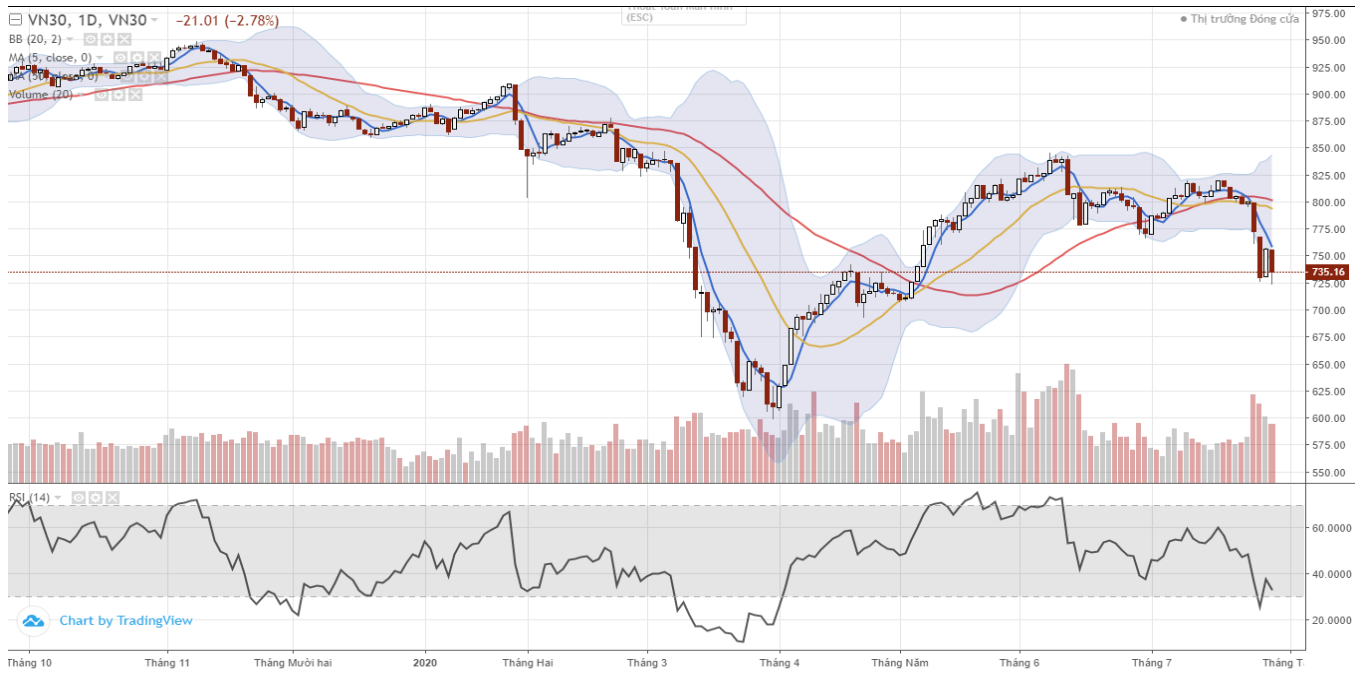
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua 1 phiên giảm mạnh mặc dù lực cầu bắt đáy cuối phiên giúp lấy lại 1 phần số điểm đã mất.
- Sau khi đánh mất xu hướng tăng tính từ đáy cuối tháng 3, xu hướng tổng thể trên khung tháng của thị trường đang khá tiêu cực. Tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm bước vào 1 nhịp hồi phục ngắn hạn trên khung ngày hoặc tuần.
- NĐT được khuyến nghị có thể trải lệnh, mua trở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ 758-773.

## Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 sụt giảm đầu phiên nhưng lực cầu bắt đáy cuối phiên giúp thu hẹp một phần đà giảm điểm.
- Sau khi đánh mất xu hướng tăng tính từ đáy cuối tháng 3, xu hướng tổng thể trên khung tháng đang khá tiêu cực. Tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ sớm bước vào 1 nhịp hồi phục ngắn hạn trên khung ngày hoặc tuần.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở vị thế LONG khi VN30 quay xuống vùng hỗ trợ 705-715. Trong trường hợp hồi phục sớm, việc kê SHORT tại các vùng kháng cự nên được ưu tiên.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

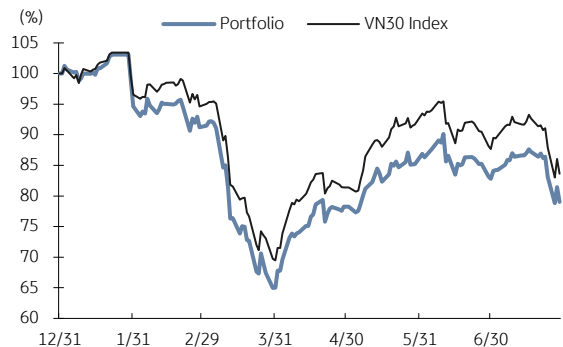
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.78%	-2.98%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.37%	-20.96%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	73,000	-3.9%	-37.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,200	-1.6%	-6.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	51,500	-4.6%	-32.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,650	-4.0%	-20.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	32,000	-0.9%	-5.9%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	44,550	-2.5%	33.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	20,850	-3.9%	-14.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	95,100	-1.5%	-26.4%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,750	-4.6%	-7.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	12,950	-2.3%	-5.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KDC	0.0%	22.4%	124.8
FUEVFNVD	-4.4%	100.0%	47.0
VCB	-1.3%	23.7%	35.2
FUESSVFL	-3.7%	94.0%	22.3
VIC	-2.0%	13.9%	21.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.9%	35.7%	-32.8
SSI	-4.6%	49.0%	-13.3
NLG	-1.6%	48.8%	-7.5
HCM	-3.5%	51.8%	-7.1
GAS	-6.3%	3.3%	-7.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DHT	1.1%	3.6%	2.9
IDV	-0.7%	14.9%	0.7
SHS	-1.0%	6.0%	0.4
NTP	-4.7%	22.6%	0.1
PVC	-5.8%	10.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NRC	4.2%	28.3%	-2.1
VCS	-2.7%	2.9%	-0.4
BVS	-2.1%	24.8%	-0.4
PLC	0.0%	1.2%	-0.3
VCG	0.4%	0.4%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-2.7%	VMD, SPM
Bất động sản	-5.3%	NVL, SZC
Công nghệ thông tin	-5.6%	SAM, ITD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-5.8%	THI, VIP
Tài nguyên Cơ bản	-5.9%	VID, DTL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-13.0%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	-12.8%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-11.7%	BVH, BIC
Ô tô và phụ tùng	-11.4%	TCH, DRC
Bán lẻ	-11.2%	MWG, FRT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.3%	GEX, LGC
Y tế	-2.6%	DHG, OPC
Tài nguyên Cơ bản	-3.1%	DHC, VID
Công nghệ thông tin	-4.8%	SAM, ICT
Thực phẩm và đồ uống	-5.7%	SAB, DAT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-15.1%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-14.7%	HVN, VJC
Truyền thông	-12.7%	YEG, PNC
Bán lẻ	-12.6%	MWG, FRT
Hóa chất	-12.4%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	83,500	282,433 (12,184)	29,583 (1.3)	22.8	45.1	28.9	19.0	7.4	8.9	3.1	2.8	-2.0	-7.0	-6.2	-27.4	
	VHM	VINHOMES JSC	74,000	243,424 (10,501)	129,852 (5.6)	28.9	9.2	8.4	33.6	37.9	28.9	2.9	2.2	-2.4	-4.5	0.0	-12.7	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,550	58,058 (2,505)	64,410 (2.8)	18.0	22.3	16.7	4.1	9.9	11.9	2.0	1.9	-6.1	-5.2	0.6	-24.9	
	NVL	NO VA LAND INVES	63,500	61,566 (2,656)	59,819 (2.6)	32.2	18.7	20.2	-2.0	13.4	12.2	2.4	2.1	-0.2	1.3	2.1	6.7	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,500	12,328 (532)	13,040 (0.6)	5.0	12.1	10.1	11.8	14.0	15.5	1.6	1.4	-0.8	-5.1	1.3	-12.6	
	DXG	DAT XANH GROUP	8,830	4,581 (198)	40,329 (1.7)	9.6	4.5	3.9	-14.2	12.3	14.3	0.5	0.5	-3.3	-	14.7	21.9	-39.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	77,500	287,438 (12,400)	67,153 (2.9)	6.3	17.3	14.2	11.9	19.8	19.5	2.9	2.5	-1.3	-6.1	-4.9	-14.1	
	BID	BANK FOR INVESTM	36,950	148,614 (6,411)	37,440 (1.6)	12.3	32.2	18.0	-11.3	9.1	12.3	2.0	1.8	-2.4	-7.6	-4.0	-19.9	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	18,150	63,528 (2,741)	30,210 (1.3)	0.0	6.3	5.3	3.8	15.8	15.5	0.9	0.8	-3.2	-	10.4	-7.6	-22.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,850	77,633 (3,349)	97,217 (4.2)	0.0	11.6	8.6	16.4	10.1	12.0	1.0	0.9	-3.9	-	10.7	-4.8	-0.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,950	48,633 (2,098)	66,993 (2.9)	0.0	6.3	5.2	0.4	16.5	16.7	1.0	0.8	-3.6	-	11.1	-5.0	-0.3
	MBB	MILITARY COMMERC	15,650	37,739 (1,628)	63,222 (2.7)	0.0	5.2	4.3	7.8	18.4	18.2	0.8	0.7	-4.0	-8.7	-7.1	-24.8	
	HDB	HDBANK	23,800	22,989 (992)	25,765 (1.1)	9.5	6.0	4.8	16.8	20.4	21.9	1.0	0.9	-0.8	-9.5	-3.6	-13.6	
	STB	SACOMBANK	10,150	18,307 (790)	114,889 (5.0)	14.7	10.1	6.5	10.6	8.3	10.0	-	-	-3.8	-	10.2	-7.3	1.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,300	16,576 (715)	1,647 (0.1)	0.0	5.8	4.8	34.4	22.4	18.4	1.0	0.9	-2.6	-5.6	-2.6	-3.6	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,650	21,699 (936)	3,110 (0.1)	0.0	38.0	36.4	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	7.0	1.7	-1.9	-0.8		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	40,100	29,767 (1,284)	24,769 (1.1)	20.8	28.7	21.6	-5.4	5.9	7.5	1.5	1.5	-4.3	-	12.8	12.3	-41.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,500	1,873 (081)	2,628 (0.1)	13.9	-	-	-	7.6	8.6	0.8	0.8	-1.4	-5.1	-4.4	-17.3	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,550	8,143 (351)	84,032 (3.6)	51.0	9.6	7.5	-17.7	8.2	10.7	0.8	0.7	-4.6	-	10.0	-8.4	-12.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	20,450	3,360 (145)	16,857 (0.7)	71.4	7.3	5.7	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.7	-2.6	-9.5	-2.6	-30.7	
	HCM	HO CHI MINH CITY	16,550	5,049 (218)	34,912 (1.5)	48.2	11.3	7.0	-22.5	11.0	17.1	1.1	1.1	-3.5	-	10.5	-9.8	-22.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,350	2,367 (102)	6,204 (0.3)	13.3	10.2	6.4	-19.1	7.4	11.2	0.7	0.7	-2.6	-9.2	13.7	-	-21.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	106,000	184,586 (7,963)	124,515 (5.4)	41.3	18.2	17.0	5.4	37.7	38.5	6.2	5.5	-3.5	-7.1	-5.3	-9.0	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	171,000	109,659 (4,731)	33,113 (1.4)	36.7	27.5	23.8	-2.2	20.5	23.0	5.4	4.9	-5.0	-	10.0	6.5	-25.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	49,350	57,688 (2,489)	61,494 (2.7)	10.2	51.1	24.3	-50.7	3.0	7.2	1.3	1.2	-2.3	-8.9	10.4	-	-12.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,300	13,635 (588)	9,241 (0.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	2.5	-	10.9	20.1	-11.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	95,100	49,817 (2,149)	32,715 (1.4)	12.0	174.2	11.7	-76.5	9.6	24.2	3.1	3.3	-1.5	-	11.5	11.0	-35.0
	GMD	GEMADEPT CORP	17,800	5,285 (228)	4,088 (0.2)	0.0	13.7	12.2	-54.2	6.9	7.7	0.9	0.9	-3.0	-9.0	-6.3	-23.6	
	CII	HO CHI MINH CITY	17,600	4,204 (181)	24,902 (1.1)	33.5	12.4	13.1	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	2.3	-2.8	-3.0	-21.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,220	1,260 (054)	29,347 (1.3)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	-	19.6	25.8	-87.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	18,900	8,882 (383)	64,119 (2.8)	33.4	12.2	9.5	-16.2	11.7	13.9	-	-	-1.6	-8.0	16.7	-2.3	
	CTD	COTECCONS CONSTR	67,000	5,112 (221)	67,011 (2.9)	3.0	9.1	9.0	-39.4	6.6	6.8	0.6	0.6	-5.6	-	15.2	-4.3	30.6
	REE	REE	32,000	9,922 (428)	13,470 (0.6)	0.0	6.5	5.8	-10.3	12.9	14.0	0.9	0.8	-0.9	-1.1	4.2	-11.8	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	63,500	121,536 (5,243)	42,243 (1.8)	45.7	16.7	12.7	-20.1	15.2	19.5	2.5	2.3	-6.3	-9.5	-8.9	-32.2	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,500	5,901 (255)	7,383 (0.3)	30.7	8.4	8.1	-2.4	16.7	17.9	1.4	1.4	-2.1	-	11.3	-4.0	-5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,000	7,374 (318)	3,097 (0.1)	32.5	7.7	8.4	-7.3	16.0	14.5	1.2	1.2	-2.5	-6.1	-3.6	-14.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,750	72,064 (3,109)	348,001 (15.0)	13.3	7.9	6.4	2.5	18.2	19.5	1.3	1.1	-2.8	-7.1	-2.1	11.1	
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,600	5,322 (230)	33,231 (1.4)	38.2	8.9	9.1	-0.7	8.8	8.1	0.7	0.6	-3.5	-9.0	-4.9	5.0	
	DCM	PETRO CA MAU FER	7,990	4,230 (182)	15,299 (0.7)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-3.9	-9.2	10.0	22.9	
	HSG	HOA SEN GROUP	9,830	4,368 (188)	111,566 (4.8)	38.1	5.8	5.9	38.6	13.9	11.4	0.7	0.6	-5.5	12.2	16.7	32.2	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,000	2,323 (100)	20,441 (0.9)	96.9	5.8	6.5	37.9	13.4	10.4	0.6	0.5	-4.3	11.6	10.9	-13.4	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	41,550	50,102 (2,161)	36,858 (1.6)	5.4	35.1	14.5	-35.7	7.1	15.3	2.1	1.8	-4.7	-8.3	-6.6	-25.8	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	8,900	3,748 (162)	30,278 (1.3)	37.2	34.1	16.9	-14.7	1.0	0.9	0.3	0.3	-5.2	13.6	11.9	-40.9	
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,400	2,646 (114)	11,628 (0.5)	26.6	6.3	5.3	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	-1.6	-8.7	11.3	-44.0	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	73,000	33,056 (1,426)	59,299 (2.6)	0.0	9.0	6.9	12.0	27.7	28.6	2.2	1.7	-3.9	12.3	10.4	-36.0	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	51,500	11,594 (500)	26,446 (1.1)	0.0	13.0	10.6	-1.9	21.5	24.2	2.2	2.1	-4.6	12.1	10.4	-40.1	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,500	1,372 (059)	1,126 (0.0)	69.3	19.5	14.2	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-5.7	13.9	10.6	25.7	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	20,900	1,651 (071)	16,880 (0.7)	13.8	10.4	8.3	-31.9	11.8	13.7	1.2	1.0	-6.9	16.1	-6.3	-0.7	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	50,700	6,870 (296)	69,216 (3.0)	38.7	6.6	7.0	27.8	36.8	29.8	2.3	2.0	-1.6	-6.6	2.0	32.7	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,800	12,133 (523)	1,008 (0.0)	45.4	18.8	17.5	4.6	19.5	19.4	3.4	3.2	0.9	0.0	3.3	1.4	
	PME	PYMEPHARCO JSC	61,000	4,576 (197)	587 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.8	-2.4	12.3	
IT	FPT	FPT CORP	44,550	34,923 (1,507)	74,178 (3.2)	0.0	10.0	8.5	19.5	24.3	25.9	2.2	2.0	-2.5	-6.0	-3.3	-12.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh  
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh  
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng  
tungla@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu  
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga  
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công  
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền  
huyenntt@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim  
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung  
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh  
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh  
vinhn@kbsec.com.vn

### Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin  
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.